TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 4 - 2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH LÀO CAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Sầm Thị Tươi
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Hồng
2. Bà Dương Thị Hoa.

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà*:** Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Giàng Seo G, năm sinh 1990.
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn G, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Ly Thị C, sinh năm 1987
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn G, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt.

3. Người phiên dịch: Chị Lù Thị Ng, năm sinh 1991
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S1, xã N1, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Giàng Seo G:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 11/3/2022 và quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn anh Giàng Seo G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng Seo G và chị Ly Thị C tự nguyện về C sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2006, không đăng ký kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Đến nay anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật. Anh chị sống hòa

thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng anh có một người con gái C thứ 3 còn rất nhỏ, bị ốm và mất nên vợ chồng cãi nhau, cuộc sống C không có hạnh phúc. Từ tháng 10/2019 thì chị C bỏ nhà đi đến tháng 6/2020 khi anh Giáo tự xây xong nhà thì chị C mới trở về nhà, từ đó vợ chồng C sống đến nay không có hạnh phúc nữa; thường xuyên xảy ra xô xát với nhau và xô xát với cả anh em bên vợ nữa. Nay anh Giáo xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được nên anh Giáo yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ly Thị C.

Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình C sống anh Giáo và chị C có hai người con C là cháu Giàng Seo G1, sinh ngày 09/5/2007 và cháu Giàng Seo X, sinh ngày 07/9/2011. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với anh Giáo. Khi ly hôn, anh Giáo đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Giáo không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con C.

Về điều kiện nuôi con khi ly hôn: Anh Giáo làm nghề nghiệp tự do; công việc chính hàng ngày là buôn bán nhỏ thu nhập một tháng được 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng); còn chị C nghề nghiệp tự do ở nhà chăn nuôi, trồng trọt thu nhập chỉ đảm bảo cuộc sống tối thiểu của chị C nên để anh Giáo nuôi con sẽ đảm bảo chăm sóc tốt hơn cho các cháu.

Về quan hệ tài sản và quyền, nghĩa vụ tài sản: Anh Giáo không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện anh Giáo đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của anh là có căn cứ và hợp pháp.

2. Ý kiến của bị đơn chị Ly Thị C:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2022 và quá trình giải quyết vụ án; bị đơn chị Ly Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ly Thị C và anh Giàng Seo G tự nguyện về C sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Đến nay anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị C sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng có sinh thêm một con gái C thứ 3 còn rất nhỏ, bị ốm và mất, nên vợ chồng thường hay cãi nhau, cuộc sống C không có hạnh phúc. Nay chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được nên chị cũng đồng ý ly hôn với anh Giáo.

Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình C sống chị và anh Giáo có hai người con C là cháu Giàng Seo G1 sinh ngày 09/5/2007; cháu Giàng Seo X, sinh ngày 07/9/2011. Các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện các cháu đang ở cùng với anh Giáo. Nay anh Giáo nhận nuôi cả cháu G1 và cháu X cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi thì chị C cũng đồng ý để anh Giáo nuôi con. Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện nuôi con khi ly hôn: Chị C xác nhận chị làm nghề tự do ở nhà chăn nuôi, trồng trọt thu nhập chỉ đủ đảm bảo cho cuộc sống tối thiểu của bản thân, còn anh Giáo làm nghề tự do công việc chính hàng ngày là buôn bán nhỏ nên thu

nhập một tháng được 15.000.000đ (Mười năm triệu đồng) nên đủ để đảm bảo nuôi dưỡng và chăm sóc tốt cho các cháu hơn chị, đúng như anh Giáo đã trình bày.

Về quan hệ tài sản và quyền, nghĩa vụ tài sản: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với vụ án này, Tòa án đã tiến hành hòa giải về nuôi dưỡng con C theo quy định của pháp luật.

3. Ý kiến của Viện kiểm sát:

3.1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70,71,72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; khoản 1 Điều 71; khoản 1,2 điều 81, khoản 1,3 điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Giàng Seo G và chị Ly Thị C.

- Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Giàng Seo G1 và cháu Giàng Seo X cho anh Giàng Seo G trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu G1 và cháu X đủ 18 tuổi. Chị Ly Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản C: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định Pháp luật.

3.3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, các đương sự đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự của Tòa án và chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sau khi Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Giáo và chị C tự nguyện về C sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006, không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy việc anh chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là không có căn cứ nên không được chấp nhận mà Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Giáo và chị C là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con C: Quá trình C sống, anh Giáo và chị C có hai người con C là cháu Giàng Seo G1, sinh ngày 09/5/2007 và cháu Giàng Seo X, sinh ngày 07/9/2011. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với anh Giáo. Tại biên bản hòa giải ngày 16/3/2022 anh Giáo và chị C đã thỏa thuận với nhau để anh Giáo trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu G1 và cháu X cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; chị C không phải cấp dưỡng nuôi con C. Tại đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh chị đều trình bày giữ nguyên ý kiến đã trình bày với Tòa án. Về điều kiện nuôi con thì anh Giáo và chị C đều xác nhận, thu nhập của anh Giáo hiện nay mỗi tháng là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng); thu nhập của chị C chỉ đảm bảo cho cuộc sống tối thiểu của bản thân chị C. Đối với cháu G1 và cháu X thì đều có nguyện vọng được ở với bố để bố chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của cháu G1 và cháu X. Tuy nhiên các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử cần giao cháu Giàng Seo G1, sinh ngày 09/5/2007 và cháu Giàng Seo X, sinh ngày 07/9/2011 cho anh Giáo trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu cháu G1 và cháu X đủ 18 tuổi; chị Ly Thị C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con C là có căn cứ, phù hợp với khoản 1,2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Giàng Seo G và chị Ly Thị C là vợ chồng.

2. Về con C: Giao cháu Giàng Seo G1, sinh ngày 09/5/2007 và cháu Giàng Seo X, sinh ngày 07/9/2011 cho anh Giàng Seo G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu G1 và cháu X đủ 18 tuổi; chị Ly Thị C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con C.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh Giàng Seo G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006901 ngày 11/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai. Anh Giáo đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện S (2);
- CCTHADS huyện S;
- UBND xã N,
huyện S, tỉnh Lào Cai.
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, TQĐ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Sầm Thị Tươi